TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2017/HNGĐ-PT
Ngày 15-11-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan;

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 943/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2470/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huỳnh T, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp H, xã I, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ H, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: đường O, Phường S, Quận Ă, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại: đường P, phường U, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh T.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/9/2016 và lời khai của nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh T thì:

Về hôn nhân: Bà và ông Dương Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2013, quyển số I/2013, ngày 15/4/2013. Bà và ông C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên chửi, đánh Bà. Bà đã cố gắng nhường nhịn nhưng ông C không thay đổi nên Bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là cháu N, sinh ngày 28/01/2014, giới tính: Nữ. Hiện nay, con chung đang do Bà trực tiếp nuôi dưỡng nên Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

Theo Đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn ngày 24/02/2017 và lời khai của bị đơn – ông Dương Văn C thì:

Về hôn nhân, con chung và nợ chung: Ông thống nhất với trình bày của bà T về việc kết hôn; thời gian chung sống; con chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn bà T và giao con chung là cháu N, sinh ngày 28/01/2014 cho bà T trực tiếp nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà T có các tài sản chung gồm:

- Nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL151756, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10577 ngày 06/9/2012 do Ủy ban nhân dân quận Y cấp cho ông C và bà T;

- Các tài khoản tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E) do bà T đứng tên với tổng số tiền là 530.000.000 đ. Bà T đã tất toán hết;

- 12 chỉ vàng SJC, tổng giá trị 43.512.000 đ;

- 5.000.000 đ mà bà T bán chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo 04, biển số G do Ông đứng tên chủ sở hữu.

Ông yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung theo quy định của pháp luật gồm: Nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E) do bà T đứng tên chủ tài khoản đã tất toán vào ngày 20/01/2017; 12 chỉ vàng

SJC và tiền bán chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo 04, biển số G là 5.000.000 đ; tổng giá trị tài sản chung là 1.050.772.000 đ theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu chia cho Ông hiện vật là nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để ông ổn định cuộc sống, công việc, tiếp tục lao động tạo thu nhập; ông sẽ giao lại cho bà T 50% giá trị nhà đất nêu trên theo kết qủa thẩm định giá.

Bà T xác nhận Bà và ông C có các tài sản chung như ông C trình bày. Các sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E) do bà T mở và đã tất toán hết trong thời gian từ ngày từ ngày 13/9/2013 đến ngày 20/01/2017. Trong đó, ngày 20/01/2017, bà T đã tất toán 100.000.000 đ. Sau khi ly thân với ông C, bà T đã bán 12 chỉ vàng SJC và chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo 04, biển số G. Số tiền gửi tiết kiệm đã tất toán và tiền bán vàng, xe bà T dùng để mua đất, xây nhà trọ tại ấp Bình tả 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Long An để cho thuê (sau đó đã bán để mua nhà đất tại đường Q, Khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh), chi tiêu cho gia đình và nuôi con hết.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0920517/CT-TV ngày 22/5/2017 do Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư kinh doanh bất động sản V lập theo yêu cầu thẩm định giá của bà T, ông C thì nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 902.260.000 đ.

Theo Công văn số 451/NHNoBT-KTNQ ngày 13/4/2017 của Chi nhánh D, Ngân hàng B thì: Bà T đã mở tài khoản tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E) nhưng đã tất toán hết sổ tiết kiệm từ ngày 13/9/2013 đến ngày 20/01/2017 với tổng số tiền là 535.600.000 đ. Trong đó, số tiền bà T đã tất toán từ ngày 25/10/2016 đến ngày 20/01/2017 là 160.000.000 đ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 943/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Bình Tân quyết định:

“1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số: 25; quyển số: 01, ngày 15 tháng 4 năm 2013 Ủy ban nhân dân xã I, huyện M, tỉnh Vĩnh Long không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2017.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu N, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2014 cho bà Trần Thị Huỳnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Trần Thị Huỳnh T không yêu cầu ông Dương Văn C cấp dưỡng cho con.

Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Dương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Các thỏa thuận của bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C đã được Hội đồng xét xử công nhận như đã nêu trên có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

1.3. Về tài sản chung: Giao căn nhà Đường Q, Khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tọa lạc tại thửa đất số: 55; tờ bản đồ số: 244 (TL - 2005); diện tích đất: 30,30m^2; diện tích xây dựng: 27,20m^2; diện tích sàn xây dựng: 45,60m^2 cho ông Dương Văn C toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Căn nhà trên đã được Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 10577 ngày 06 tháng 9 năm 2012 cho bà O, sinh năm: 1973; địa chỉ thường trú: Thôn Â, xã L, huyện O, thành phố Hà Nội và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận Y cập nhật biến động (sang tên…) theo hồ sơ số: 106620.CN.062 ngày 17 tháng 10 năm 2015 cho ông Dương Văn C và bà Trần Thị Huỳnh T.

Ông Dương Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Huỳnh T số tiền là 373.347.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng). Thanh toán một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị Huỳnh T có trách nhiệm giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 10577, ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố Hố Chí Minh và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận Y cập nhật biến động (sang tên cho ông Dương Văn C và bà Trần Thị Huỳnh T) theo hồ sơ số: 106620.CN.062 ngày 17 tháng 10 năm 2015 cho ông Dương Văn C tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Dương Văn C được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động (sang tên…) theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trần Thị Huỳnh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Văn C chưa thi hành số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng ông C còn phải trả thêm cho bà T tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C xác nhận không có.

1.5. Về án phí: Bà Trần Thị Huỳnh T phải nộp 26.469.300 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001107 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị Huỳnh T còn phải nộp tiếp số tiền là 26.269.300 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm đồng).

Ông Dương Văn C phải nộp 26.269.300 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002061 ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Dương Văn C còn phải nộp tiếp số tiền là 12.269.300 đồng (Mười hai triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm đồng).

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của pháp luật".

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/7/2017, nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông Dương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung là: Cháu N, sinh ngày 28/01/2014, mỗi tháng 3.000.000 đ.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông C được sở hữu nhà đất tại Đường Q, Khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vì: Ông C thường xuyên chửi, đánh Bà nên Bà phải đưa con về nhà cha mẹ ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Bà có lỗi bỏ nhà đi là không có cơ sở; Bà là phụ nữ, trực tiếp nuôi con chung còn nhỏ nên cần có nơi ở ổn định, để có điều kiện tốt nuôi con chung. Bà không đồng ý chia tiền gửi tiết kiệm 100.000.000 đ, 12 chỉ vàng SJC và tiền bán xe 5.000.000 đ vì các khoản tiền, vàng nêu trên Bà đã sử dụng để mua đất, xây nhà trọ tại ấp Bình tả 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Long An (sau đó đã bán để mua nhà đất tại đường Q, Khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh), chi tiêu cho gia đình và nuôi con hết.

Ngày 26/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Y kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và án phí, nội dung kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông C được sở hữu nhà đất tại Đường Q, Khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, không xem xét thấu tình đạt lý, không bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ, trẻ nhỏ chưa thành niên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành. Không có cơ sở xác định bà T sử dụng tiền gửi tiết kiệm 100.000.000 đ, 12 chỉ vàng SJC và tiền bán xe 5.000.000 đ cho mục đích cá nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm

chia đôi các khoản tiền nêu trên là không có căn cứ và không phù hợp thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí không đúng.

Tại Đơn tường trình ngày 12/10/2017, nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh T rút một phần kháng cáo về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh T giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần tài sản.

Bị đơn – ông Dương Văn C trình bày: Tôi đồng ý giao cho bà T phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của tôi trong khối tài sản chung gồm: 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E); 12 chỉ vàng SJC và 5.000.000 đ tiền bà T bán xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo để nuôi con (các khoản tiền, vàng nêu trên bà T đã sử dụng hết). Yêu cầu Hội đồng xét xử chia cho tôi được sở hữu căn nhà tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, tôi sẽ hoàn lại cho bà T ½ giá trị nhà đất nêu trên là 451.130.000 đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Đỗ H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông C đồng ý giao cho bà T phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của ông C trong khối tài sản chung gồm: 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E); 12 chỉ vàng SJC và 5.000.000 đ tiền bà T bán xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo để nuôi con. Đối với nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Y, chia cho bà T được sở hữu nhà đất nêu trên, bà T sẽ thanh toán cho ông C ½ giá trị nhà đất nêu trên là 451.130.000 đ.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà T trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Về hôn nhân, con chung, nợ chung: Không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung:

Đối với các tài sản chung gồm: 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E); 12 chỉ vàng SJC và 5.000.000 đ tiền bà T bán xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo: Ông C đồng ý để bà T sử dụng để nuôi con chung là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng; công sức đóng góp của bà T, ông C vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung là bằng nhau. Ông C xác nhận nhà đất nêu trên đang để trống, không ai ở; Ông đang ở tại nhà đường P, phường U, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do Ông thuê để kinh doanh dịch vụ sửa xe. Bà T là người trực tiếp nuôi con chung nên cần có nơi ở để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho ông C sở hữu hiện vật nhà đất nêu trên là không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chia cho bà T sở hữu nhà đất nêu trên, bà T thanh toán cho ông C phần chênh lệch là ½ giá trị nhà đất nêu trên theo kết quả định giá 451.130.000 đ và sửa phần quyết định về án phí dân sự sở thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân, con chung, nợ chung: Không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về tài sản chung:

Ông Dương Văn C tự nguyện, đồng ý giao cho bà Trần Thị Huỳnh T phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của Ông trong khối tài sản chung gồm: 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E); 12 chỉ vàng SJC và 5.000.000 đ tiền bán xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo để nuôi con (bà T đã sử dụng hết các khoản tiền, vàng nêu trên) là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Đối với nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông C xác nhận nhà đất nêu trên trước đây cho thuê, hiện nay để trống, không sử dụng. Ông C đang sinh sống tại tiệm sửa xe là nhà do Ông thuê –đường P, phường U, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T là người trực tiếp nuôi con chung, hiện không có nơi ở, phải ở nhờ nhà cha mẹ của Bà tại tỉnh Vĩnh Long. Do đó, cần phải chia cho bà T nhận hiện vật nhà đất nêu trên để bà T có nơi ở ổn định, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông C nhận hiện vật nhà đất nêu trên là không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên khi ly hôn theo quy định tại Khoản 5, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Khoản 2, 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 7, 8, 9, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì:

Do Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung nên bà T và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia là 22.045.200 đ (hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng bà T phải chịu 22.245.200 đ (hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T, ông C phải chịu mỗi người 26.469.300 đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

[6] Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà T và kháng nghị vủa Viện kiểm sát nhân dân quận Y, sửa một phần bản án sơ thẩm, chia cho bà T sở hữu nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T phải thanh toán cho ông C giá trị chênh lệch là 451.130.000 đ (bốn trăm năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

[7] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Khoản 2, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: Bà T và ông C phải chịu phần chi phí thẩm định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà mỗi người được chia là 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) (=7.000.000 đ ÷ 2). Ông C đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định giá nêu trên nên bà T phải thanh toán lại cho ông C chi phí thẩm định giá mà Bà phải chịu là 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2, 4, Điều 147; Khoản 2, Điều 148; Khoản 2 , Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 7, 8, 9, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ vào Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm:

1.1. Về tài sản chung:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Văn C đồng ý giao cho bà Trần Thị Huỳnh T phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của Ông trong khối tài sản chung gồm: 100.000.000 đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng B (Chi nhánh D – Phòng Giao dịch E); 12 chỉ vàng SJC và 5.000.000 đ tiền bán xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo để nuôi con (bà Trần Thị Huỳnh T đã sử dụng hết các khoản tiền, vàng nêu trên).

- Chia cho bà Trần Thị Huỳnh T và ông Dương Văn C mỗi người được sở hữu ½ giá trị nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là 451.130.000 đ (bốn trăm năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Giao cho bà Trần Thị Huỳnh T được sở hữu nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL151756, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH10577 ngày 06/9/2012 do Ủy ban nhân dân quận Y cấp cho ông Dương Văn C và bà Trần Thị Huỳnh T.

- Bà Trần Thị Huỳnh T phải thanh toán cho ông Dương Văn C số tiền chênh lệch giá trị nhà đất tại đường Q, khu phố R, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là 451.130.000 đ (bốn trăm năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Huỳnh T có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Dương Văn C cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị Huỳnh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Huỳnh T phải chịu 22.245.200 đ (hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số AA/2016/0001107 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Huỳnh T còn phải nộp 22.045.200 đ (hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn C phải chịu 22.045.200 đ (hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 đ (mười bốn triệu đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số AA/2016/0002061 ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dương Văn C còn phải nộp 8.045.200 đ (tám triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

1.3. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị Huỳnh T phải thanh toán lại cho ông Dương Văn C chi phí thẩm định giá là 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Huỳnh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Huỳnh T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000751 ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Y;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân xã I, huyện M, tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HSVA, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh